

LĂNG-GIÀ A-BẠT-ĐA-LA BẢO KINH CHÚ GIẢI

QUYỂN 2 (Phần 2)

1. Tất cả pháp như huyễn:

Lại nữa Nay Đại Tuệ! Nếu chẳng phải huyễn thì không có gì tương tự để thấy tất cả pháp như huyễn. Đại Tuệ bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Vì chấp đắm các thứ huyễn tướng nên nói tất cả pháp như huyễn, vì chấp đắm các tướng khác, hoặc vì chấp đắm các huyễn tướng nên nói tất cả tánh như huyễn. Bạch Đức Thế tôn! Có tánh thì không thể như huyễn. Vì sao? Vì các tướng sắc chẳng phải nhân. Bạch Đức Thế tôn! Không có nhân sắc nên các tướng hiện như huyễn. Bạch Đức Thế tôn! Cho nên không chấp đắm các tướng huyễn, tương tự tánh như huyễn. Ở trên nói tất cả pháp như huyễn, Đức Phật sợ Đại Tuệ nghi, vì sao chỉ dùng huyễn làm ví dụ, cho nên lại bảo rằng: Chẳng phải giả huyễn dụ cho các pháp, cũng không có tương tự cho nên nói tất cả pháp như huyễn. Đây là câu hỏi thứ ba, ý nói Phật dạy tất cả pháp như huyễn vì chấp đắm các tướng huyễn mà nói như huyễn, hay vì không chấp đắm các thứ tướng huyễn mà nói như huyễn? Nếu chấp đắm tướng huyễn nói các pháp như huyễn thì chưa chắc các pháp đều như huyễn, cho nên nói có tánh bất như huyễn, tánh tức là pháp. Lại nêu vấn nạn, ý cho rằng nếu nói chung thì hẳn là các sắc tướng thì lẽ ra không có nhân riêng, nhưng thế gian chưa có sắc hữu nhân nên đều như huyễn, Thế tôn trở xuống là kết thúc vấn hỏi như vậy.

2. Vì không thể quán sát chẳng thật có mà vọng chấp các sắc tướng:

“Phật bảo Đại Tuệ: Chẳng chấp đắm các tướng huyễn, tương tự tất cả pháp như huyễn. Nay Đại Tuệ! Song tất cả các pháp bất thật chóng diệt như tia chớp, ấy là như huyễn. Nay Đại Tuệ! Thí như tia chớp lóe sáng trong sát-na, hiện rồi mất ngay, chẳng phải kẻ ngu hiện. Tất cả

tánh ấy, tự vọng tướng, tự tướng, cộng tướng, quán sát vô tánh chẳng hiện chấp đấm sắc tướng”. Trong đây đáp, nói các pháp như huyễn, chính chẳng phải chấp đấm tướng huyễn, chỉ vì tất cả pháp không thật, mau mất đi như tia chớp, chính là như huyễn. Lại lấy ví dụ tia chớp hiện trong khoảng sát-na, hiện rồi mất ngay, chỉ có bậc Thánh trí mới biết, chẳng phải tướng hiện của kẻ ngu. Tất cả như thế trở xuống Kinh Nhập Lăng-già chép: Tất cả các pháp nương tự phân biệt, tự tướng, cộng tướng hiện, cũng giống như vậy. Vì không thể quán sát chẳng thật có, mà vọng chấp các sắc tướng.

3. Đức Phật lặp lại nghĩa này bằng bài kệ:

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*Chẳng huyễn không có dụ,
Nói pháp tánh như huyễn”
Không thật mau như chớp,
Cho nên nói như huyễn.*

Hai câu trên đáp chẳng phải huyễn thì không thể nào dùng để thí dụ cho các pháp. Hai câu dưới đáp tướng Huyễn như tia chớp.

“Đại Tuệ lại bạch Phật rằng: Như Đức Thế tôn nói tất cả các Tánh là vô sinh và như huyễn, chẳng lẽ không Thế tôn trước sau nói trái nhau ư! vì nói vô sinh tánh như huyễn”: Đây là câu hỏi thứ tư, nghĩa là Phật đã nói tất cả pháp vô sinh là không, lại nói như huyễn là có, chẳng lẽ không Có và Không trái nhau ư!

“Phật bảo Đây Đại Tuệ! Chẳng phải ta nói tánh vô sinh như huyễn, phạm lỗi trước sau trái nhau. Vì sao? Vì đối với sinh, vô sinh, biết rõ tự tâm hiện lượng, có mà chẳng phải có, ngoại tánh, chẳng phải tánh, vô sinh hiện. Đây Đại Tuệ! Chẳng phải ta nói có lỗi trước sau trái nhau, nhưng vì phá ngoại đạo chấp nhân sinh nên ta nói tất cả tánh vô sinh. Đây Đại Tuệ! Ngoại đạo quá si mê muốn giúp cho hữu vô có sinh, chẳng phải duyên tự vọng tưởng các thứ chấp đấm. Đây Đại Tuệ! Ta chẳng nói hữu, vô là có sinh, cho nên ta dùng thuyết vô sinh mà nói”. Phật đáp chẳng phải lời ta nói có trái nhau trở xuống, là nêu bày giải thích. Sinh vô sinh: là ta hiểu rõ sinh tức là vô sinh, chỉ do tự tâm hiện ra, hoặc có hoặc không, tất cả pháp ngoài, tánh kia vốn không có sinh. Ta nói vô sinh, đây là đáp chung. Trong phần đáp riêng có hai: 1. Vì phá nhân sinh của ngoại đạo sinh, như họ chấp các khác nhân có sinh nên nói tất cả tánh vô sinh. 2. Vì phá chấp hữu vô sinh ngoại đạo, chẳng từ chấp đấm vọng tưởng làm duyên. Lại bảo Đại Tuệ rằng: Ta chẳng nói hữu vô, nghĩa là lia kiến chấp hữu vô, ta dùng thuyết vô sinh mà nói vô

sinh.

4. Dùng nói pháp để nhiếp thọ sanh tử

Này “Đại Tuệ! Nói tánh, vì nhiếp thọ sanh tử, vì phá hoại chấp Không và chấp Đoạn, vì đệ tử ta nhiếp thọ các chỗ nghiệp thọ sinh, dùng tánh âm thanh nói để nhiếp thọ sanh tử”. Từ “nói tánh trở xuống”, Kinh Nhập Lăng-già chép: Nói các pháp vì muốn đệ tử biết nương các nghiệp, mà nhiếp thọ sanh tử, ngăn chấp hữu vô, đoạn diệt, “vì đệ tử ta trở xuống” vì khiến đệ tử biết tùy nghiệp thọ sinh. Tánh âm thanh, tánh là pháp, âm thanh là nói, ý nói dùng nói pháp để nhiếp thọ sanh tử.

5. Giải thích về nghĩa huyền:

Này “Đại Tuệ! Nói huyền tánh tự tánh tướng là lia tánh tự tánh tướng. Rơi vào ác kiến hy vọng tướng của kẻ ngu, chẳng biết tự tâm hiện lượng, hoại nhân sở tác sinh, duyên tự tánh tướng chấp đấm. Nói huyền mộng tự tánh tướng tất cả pháp, chẳng làm cho kẻ ngu ác kiến hy vọng, chấp đấm tự tha tất cả pháp, chỗ thấy như thật tạo ra bất chánh luận. Này Đại Tuệ! Thật thấy chỗ như tất cả pháp là vượt ngoài tự tâm hiện lượng”. Nói tánh trở xuống là giải thích về nghĩa huyền: 1. Biết tánh lia, vì biết huyền tánh tức lia tự tánh. Kinh Viên Giác nói: biết huyền tức lia. 2. Phá kẻ ngu chấp đấm tướng, đây lại có ba: a. Không biết tự tâm hiện lượng. b. Hoại tánh nhân duyên sinh ra pháp. c. Duyên tướng tự tánh tạo tác thật có chấp đấm. Cho nên nói tướng tất cả pháp như huyền, như mộng để phá; không giúp cho kẻ ngu v.v... là tổng kết lỗi, nêu bày đức. Ở chỗ như thật làm ra bất chánh luận, là tổng kết lỗi. Bất chánh luận là tánh hý luận chấp đấm của mình và người. Lại chỗ như thật v.v... Kinh Nhập Lăng-già chép: Thấy chỗ như thật của tất cả pháp, nghĩa là hiểu rõ tất cả pháp do tâm hiện.

6. Ý theo nghiệp mà nói về sinh tử:

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*“Vô sinh tác phi tánh
Hữu tánh thuộc sinh tử
Quán sát như huyền thả
Nơi tướng chẳng vọng tưởng”.*

Vô sinh tác phi tánh, Kinh Nhập Lăng-già chép: Vô tác nên vô sinh, nghĩa là các pháp tánh vốn vô sinh cho nên nói vô sinh. Hữu tánh thuộc sinh tử: bài tụng trên y theo nghiệp mà nói sinh tử, nhờ quán sát như huyền nên lia vọng tưởng phân biệt.

7. Dạy người học thấy được cánh cửa đi vào lý:

“Lại nữa Này Đại Tuệ! Sẽ nói tướng danh, cú, hình, thân. Đại Bồ-

tát khéo quán danh, cú, hình, thân tùy vào, danh, cú, hình, thân, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Giác như thế rồi, giác cho tất cả chúng sinh. Nay Đại Tuệ! Danh thân, nghĩa là y sự đặt tên, đó gọi là danh thân. Cú thân, nghĩa là cú có nghĩa thân, tự tánh quyết định rõ ràng, đó gọi là cú thân. Hình thân, nghĩa là nói lên danh cú, đó gọi là hình thân. Lại hình thân, nghĩa là dài, ngắn, cao, thấp. Lại cú thân, nghĩa là dấu vết, như dấu vết voi, ngựa, người, thú... đi để dấu chân lại, được gọi là cú thân. Nay Đại Tuệ! Danh và hình, nghĩa là dùng danh nói bốn âm Vô Sắc nên gọi là Danh. Tự tướng hiện nên nói hình. Ấy gọi là danh, cú, hình, thân. Nói chừng hạn của tướng danh cú hình thân phải nên tu học”. Danh cú hình thân, luận Duy thức chép: Danh giải thích tự tánh, cú giải thích khác nhau. Văn tức là tự, là hai chỗ nương; hình tức là văn. Thân là nghĩa chứa nhóm. Danh giải thích tự tánh như nói sáu căn, chỉ nói tên mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà thôi! Cú giải thích khác nhau, như nói nhãn là Phật nhãn, pháp nhãn, tuệ nhãn... các thứ khác nhau. Nhưng danh, cú, hình ba thân này, gọi là tam giả, giả là đối với thật mà nói, thì thanh là thật, một thật ba giả, này chính là giáo thể năng thuyết. Ở đây chỉ nói sẽ nói văn, cú, hình, thân mà không nói một thật, vì Đức Phật dùng âm thanh nói pháp tức là một thật. Khéo quán sát, nghĩa là phải khéo quán sát danh, cú, hình, thân, giáo năng thuyết tức thông đạt nghĩa sở thuyết, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chẳng phải chỉ do tự giác cũng có thể giác tha. Trên đã giải thích chung, từ Đại Tuệ trở xuống là giải thích riêng. Nói y sự đặt tên tức là danh thuyết tự tánh. Cú có nghĩa thân, tức các giải thích khác nhau. Phạm cú do giải thích nghĩa khác nhau làm tánh nên quyết định rõ ràng không lẫn lộn nhau, gọi là công của thân cú. Hình thân nghĩa là hiển bày. Danh cú là do văn tự để nói lên danh cú, cũng tức danh cú để thành văn, cho nên gọi văn tức là chữ, làm hai chỗ nương. Lại, hình là dụ, dụ như hình người có dài ngắn, cao thấp, văn dài ngắn cũng giống như vậy. Cú thân nghĩa là dấu vết, như nhờ dấu vết mới biết có voi, ngựa v.v... đi qua. Do tìm cú mà được nghĩa. Như trên là dùng hình cú đối mà nói. Nếu danh và hình tương đối mà nói, thì như bốn âm thọ, tưởng, hành, thức trong năm âm không có sắc mà có danh, sắc âm tự tướng hiển hiện cho nên nói có hình. Cũng như văn nhờ nghĩa mà hiển bày. Phật nói danh cú hình thân này là dạy cho người học thấy được cánh cửa đi vào lý, lý nhờ hạnh mà hiển bày cho nên nói phải nên tu học.

8. Đức Thế tôn lặp lại ý nghĩa trên bảng bài kệ:

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*“Danh thân và cú thân
Và hình thân khác nhau
Kẻ phàm ngu chấp đắm,
Như voi mắc lầy sâu”.*

Vấn tự tánh lìa tức là giải thoát. Nếu tùy văn khởi thấy thì lỗi đồng với ngoại đạo tà kiến, như voi mắc lầy sâu, có thể không rần dè ư!

Lại nữa Đây Đại Tuệ! Bậc trí ở đời vị lai do lìa một, khác, đồng, chẳng đồng, kiến, tướng là nghĩa ta thông hiểu, đem hỏi người vô trí, kia liền đáp rằng: Câu hỏi này chẳng đúng. Nghĩa là sắc v.v... là thường, vô thường, là khác, chẳng khác, như vậy các hạnh Niết-bàn tướng và sở tướng, câu-na sở câu-na, tạo và sở tạo, kiến và sở kiến, bụi và bụi nhỏ, tu và người tu, tướng so sánh lần lượt như vậy. Những câu hỏi như thế, Phật nói là vô ký chỉ luận, là điều mà người si mê kia chẳng thể biết. Vì họ không có văn tuệ, Như lai Ứng cúng Đẳng chánh giác, muốn giúp họ lìa kinh sợ nên nói vô ký, chẳng nói ký. Lại ngăn luận kiến chấp của ngoại đạo mà chẳng nói cho nghe. Phật nói lìa bốn câu vốn giúp cho quay về chánh nên bảo Đây Đại Tuệ! Bồ-tát đời vị lai sẽ dùng tướng lìa bốn câu hỏi người kia, ý chỉ bảo pháp môn nhập đạo, người vô trí kia không hiểu được ý này, liền đáp rằng: Đây chẳng phải chánh luận, nghĩa là sắc v.v... là nói y theo các pháp ấm giới nhập ở trên mà chia ra bốn câu thường, vô thường, khác, không khác... Các hạnh Niết-bàn như vậy, hành tức hành năng hiển Niết-bàn. Năng hành sở hành, năng y sở y, năng tạo sở tạo, năng kiến sở kiến, bụi và bụi nhỏ, nghĩa là bùn đất bụi nhỏ. Tu cùng người tu là người pháp. Tướng so sánh lần lượt như vậy, là nói hai pháp đối nhau ở trên. Như vậy... trở xuống, Kinh Nhập Lăng-già chép: Như vậy không thể nhớ việc thứ lớp mà hỏi, Thế tôn nói đây là chỉ ký đáp, kẻ ngu vô trí không thể biết được, Phật muốn giúp họ lìa sợ hãi, nên chẳng nói ký.

9. Nói về chỉ kiến luận của ngoại đạo:

Này Đại Tuệ! Ngoại đạo nói như thế này: mạng tức là thân, vô ký luận như thế. Đây Đại Tuệ! Các ngoại đạo ngu si kia đối với nhân tác vô ký luận, chẳng phải điều ta nói. Đây Đại Tuệ! Chỗ ta nói là lìa nhiếp, sở nhiếp vọng tướng bất sinh, vì sao lại ngừng họ? Đây Đại Tuệ! Nếu người chấp đắm nhiếp, sở nhiếp, không biết tự tâm hiện lượng cho nên ngừng họ. Đây Đại Tuệ! Như lai Ứng cúng Đẳng chánh giác, dùng bốn thứ ký luận nói pháp cho chúng sinh nghe. Đây Đại Tuệ! Chỉ ký luận là khi ta nói ra vì người căn cơ chưa thân thực, chẳng phải vì người căn cơ đã thân thực”. Chỉ kiến luận của ngoại đạo, là tùy theo lời nói

sinh hiểu biết chấp là kiến luận, đều ngừng mà không nói, khiến họ suy nghĩ, mà tự chứng được. Mạng tức thân, do ngoại đạo chấp ngay ấm là ngã, lìa ấm là ngã. Nói thân mạng là một, khác v.v... Nói như vậy v.v... gọi là vô ký luận. Đối với nhân làm vô ký luận, là chấp vô nhân mà sinh, đó là vô ký. Những điều Phật nói là lìa năng thủ, sở thủ, không khởi vọng tưởng. Vì sao dừng họ? Nghĩa là vì sao không làm thẳng như vậy mà nói để hiểu, mà ngăn là vì sao ư! Chỉ vì kia chấp đắm năng thủ, sở thủ không biết rằng chỉ do tâm hiện, cho nên bốn thứ chỉ luận như văn sau. Chỉ luận là một trong bốn thứ đó. Chẳng những chỉ dừng ngoại đạo kia, mà còn ngăn người căn cơ chưa thuần thục, bấy giờ lại nói!

10. Nói về câu bất sinh:

“Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Tất cả pháp lìa nhân duyên sở tác bất sinh, vô tác giả cho nên tất cả pháp chẳng sinh. Nay Đại Tuệ! Vì sao tất cả tánh lìa tự tánh? Vì khi tự giác quán, thì tự tánh, cộng tánh, tướng không thật có, nên nói tất cả pháp chẳng sinh. Vì sao tất cả pháp không thể đem đến, không thể đem đi? Vì tự tướng cộng tướng muốn đem đến thì không có chỗ đến, muốn đem đi thì không có chỗ đi. Cho nên tất cả pháp lìa đem đến đem đi. Nay Đại Tuệ! Vì sao tất cả các pháp chẳng diệt? Vì tánh, tự tánh, tướng là không, tất cả pháp không thật có, nên tất cả pháp chẳng diệt. Nay Đại Tuệ! Vì sao tất cả pháp vô thường? Nghĩa là tướng khởi là tánh vô thường, cho nên nói tất cả pháp vô thường”. Nay Đại Tuệ! Vì sao tất cả pháp là thường? Vì tướng khởi tánh vô sanh, vô thường là thường, nói tất cả pháp là thường, tất cả pháp thường ở đoạn dưới, nói rõ câu bất sinh có hai ý: 1. Lìa nhân duyên sở tác nên bất sinh. 2. Lìa tự tánh cộng tánh tướng nên bất sinh. Không thể đem đến trở xuống, là dùng sự nói chẳng phải không có đến đi, chỉ vì bốn câu cầu mong tự tướng, cộng tướng không thật có, không thật có dấu vết đến đi. Kinh Tịnh Danh nói: Đến không từ đâu đến, đi cũng không có chỗ đi, đây là nói theo. Các pháp chẳng diệt, nghĩa là tất cả các pháp vốn không có tánh tướng thì đâu có diệt, câu thường vô thường là nói theo tình lý. Hoặc dùng tình chấp tướng thay đổi trôi lăn, cho nên nói tướng vô thường khởi, dùng lý để nói thì pháp pháp tức tánh, cho nên nói khởi tướng vô sinh. Vô thường này tức là thường.

11. Phật nói lại nghĩa trên bằng bài kệ:

Khi ấy, Thế tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*“Ký luận có bốn thứ,
Một bề vặn hỏi lại.
Phân biệt và chỉ luận*

*Để chế phục ngoại đạo
Hữu và phi hữu sinh Sư
Tăng-khư, Tỳ-xá Tất
cả đều vô ký
Kia hiển bày như thế
Chánh giác đã phân biệt
Tự tánh không thật có
Vì xa lìa lời nói
Nên nói lìa tự tánh”.*

Bốn thứ luận này, nói hoàn toàn gọi là đáp thẳng, nghĩa là tùy câu hỏi mà đáp. Phản cật vấn, cũng gọi là phản chất, nghĩa là vặn bẻ lại câu hỏi. Phân biệt, nghĩa là đáp bằng cách nói rõ. Chỉ luận nghĩa là gác lại không đáp. Chế phục các ngoại đạo, phần nhiều dùng chỉ luận hữu và phi hữu sinh, nghĩa là Số luận chấp có, Thắng luận chấp không. Tăng-khư là Số luận. Tỳ-xá là Thắng luận. Các pháp như vậy đều thuộc về vô ký luận. Ngoại đạo kia chấp chẳng ngoài hữu vô, cho nên nói kia hiển bày như thế. Dùng chánh trí quán sát, cầu tánh tướng kia đều không thật có, huống chi là lời nói ư!

12. Bồ-tát Phổ hiển hỏi Phật về pháp Tiểu thừa:

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Cúi xin vì nói sự khác nhau giữa Tu-đà-hoàn và Tu-đà-hoàn thú. Nếu Đại Bồ-tát khéo hiểu sự khác nhau chung giữa Tu-đà-hoàn thú và tướng phương tiện của Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, phân biệt biết rồi, như thế như thế vì chúng sinh nói pháp. Nghĩa là tướng hai vô ngã và hai chướng thanh tịnh, vượt qua các địa, rốt ráo thông đạt được cảnh giới rốt ráo không thể suy nghĩ, bàn luận của Như lai, như ngọc Ma-ni nhiều màu, có khả năng làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, dùng cảnh giới tất cả pháp vô tận thân tài để nhiếp dưỡng tất cả”. Đại Tuệ là người ta theo pháp Đại thừa thỉnh cầu nói pháp Tiểu thừa là sao? Vì Bồ-tát có tự hành, hóa tha khác nhau. Tự hành thì chỉ thẳng đến cực quả, hóa tha thì pháp phải trùm khắp, vì chúng thưa hỏi pháp bốn quả: Tu-đà-hoàn Hán dịch là Dự lưu, là Sơ quả. Lại nói Tu-đà-hoàn thú, thú là thú hưởng, nghĩa là Sơ quả hưởng. Tướng khác nhau chung, chung tức là đồng, nghĩa là phân biệt tướng chung, tướng riêng. Và quả thứ hai, thứ ba, thứ tư, tu hành tướng phương tiện đều được khéo hiểu biết. Phân biệt biết rồi như thế như thế, nghĩa là phân biệt như thế, như thế mà biết. Vì các chúng sinh nói bốn pháp này giúp họ chứng đắc tướng hai vô ngã và trừ sạch hoặc chướng và trí chướng, đối với các tướng địa dần

dẫn thông được đạt cảnh giới trí tuệ của Như lai. Dùng pháp thân pháp tài lợi ích chúng sanh vô tận, như dùng ngọc báu ma-ni cứu giúp người không bỏ sót một ai.

13. Nói về Tu-đà-hoàn:

“Phật bảo Nay Đại Tuệ! Lắng nghe! Lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ, nay ta sẽ nói cho ông nghe. Đại Tuệ bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Lành thay! Xin vâng nghe nhận. Phật bảo Đại Tuệ: có ba thứ Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hoàn khác nhau. Thế nào là ba: đó là hạ, trung, thượng. Hạ: là cùng tội bảy lần sinh lại mới nhập Niết-bàn. Trung: hoặc ba hay năm lần sinh lại mới vào Niết-bàn. Thượng: tức đời này liền vào Niết-bàn”. Đáp trong Sơ quả nói có ba thứ thượng, trung, hạ khác nhau, căn tánh lợi độn khác nhau! Cùng cực bảy đời mới sinh vào Niết-bàn, nghĩa là tội độn hạ căn, dứt kiến hoặc, chứng Sơ quả, sau tiến lên dứt tư hoặc, chín phẩm tư hoặc trong cõi Dục, trở lại trải qua đủ bảy lần sinh tử, mới dứt hoặc này, chứng quả thứ ba. Bảy lần trở lại, nghĩa là con người bảy lần sinh lên cõi trời, bảy lần sinh làm trung ấm thành mười bốn, sinh hợp cộng chung thành hai mươi tám. Nay nói bảy lần trở lại là tóm lược. Ba hay năm lần sinh trở lại mới nhập Niết-bàn, nghĩa là hạng người trung căn chứng Sơ quả, sau ba hoặc năm đời sinh trở lại, dứt hết hoặc này mới chứng quả thứ ba. Tức ngay đời này nhập Niết-bàn, nghĩa là người thượng căn được Sơ quả thì liền siêu sinh lên quả thứ tư, mà nhập Niết-bàn chân không.

14. Nói về hoặc mà quả Tu-đà-hoàn phải dứt:

“Ba hạng này có ba kiết: Hạ, trung, thượng. Thế nào là ba kiết: Nghĩa là thân kiến, nghi, giới thủ là ba kiết khác nhau, thăng tiến mãi lên đến A-la-hán”. Ba kiết chính là kiến hoặc và tám mươi tám sở sơ quả phải dứt, có rộng lược khác nhau. Nói cũng có hạ, trung, thượng, là do kiết hoặc từ căn tánh của người mà chia làm ba. Thăng tiến mãi... nghĩa là đối với việc dứt hoặc chứng quả này gồm có dứt hoặc chứng quả thứ ba, siêu vượt đến quả thứ tư. Nói thượng thượng là y theo bậc Đài thừa siêu căn tánh.

15. Nói về hai thứ thân kiến:

Này “Đại Tuệ! Thân kiến có hai thứ, đó là câu sinh và vọng tưởng. Như duyên khởi vọng tưởng, tự tánh vọng tưởng. Thí như nương duyên khởi tự tánh, các thứ vọng tưởng tự tánh chấp đấm sinh. Vì kia chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải có không vì tướng vọng tưởng không thật. Kể ngu vọng tưởng các thứ vọng tưởng tự tánh tướng chấp đấm. Như khi trời nóng có dương diệm, nai khát tưởng là nước. Đây là

vọng tướng thân kiến của Tu-đà-hoàn, kia do người vô ngã nhiếp thọ không tánh, đoạn trừ vô tri chấp đắm lâu xa”. Thân kiến, là kia đối với thân năm ấm chấp là chủ thể, ở đây chia làm hai thứ: 1. Câu sinh, nghĩa là kiến và thân sinh cùng lúc, như thân kiến trước. 2. Vọng tướng lại nương kiến mà khởi, như biên kiến ở sau, cho nên nói như duyên khởi v.v... nghĩa là vì nương duyên khởi, khởi vọng tướng tự tánh. Bởi kia chẳng phải có trở xuống là... giải thích thân kiến vọng tướng trên. Vì vốn chẳng phải bốn kiến mà có bốn kiến, thì đó là tướng vọng tướng không thật. Như duyên khởi kia mà kẻ ngu cho là vọng tướng, khởi các thứ vọng tướng tự tánh chấp đắm, cho nên thí dụ. Như khi trời nắng nóng, dương diễm chẳng phải nước mà cho là nước, tức là tướng ấy. Kia do người vô ngã nhiếp thọ vô tánh, tức là Sơ quả hưởng. Nhờ quán người vô ngã, hiểu rõ vốn vô tánh cho nên liền dứt hoặc ấy. Nói vô tri, là nhiệm ô không biết.

16. Tu-đà-hoàn quán sát thân mình thân người:

Này “Đại Tuệ! Câu sinh là Tu-đà-hoàn thân kiến, vì bốn ấm của tự thân, tha thân... không có sắc tướng, vì sắc sinh tạo và sở tạo, vì tướng xoay vần làm nhân cho nhau, vì đại chủng và sắc chẳng nhóm họp. Tu-đà-hoàn quán phẩm loại hữu vô chẳng hiện thì dứt được thân kiến. Thân kiến dứt như thế thì tham chẳng sinh, đó gọi là tướng thân kiến”. Câu sinh thân kiến, là người chứng Sơ quả quán sát thân mình, thân người, tướng bốn ấm thọ, tướng, hành, thức không có sắc, vì sắc do bốn đại chủng sinh ra. Tạo và sở tạo tức năng tạo và sở tạo, nghĩa là bốn đại tạo sắc ấm. Xoay vần, là bốn đại làm nhân cho nhau. Không nhóm họp, nghĩa là đại chủng và sắc tánh không hòa hợp; như thế quán năm ấm hữu vô đều không thật có, ai làm thân kiến, cho nên nói phẩm loại hữu vô chẳng hiện. Thân kiến đã dứt, tham cũng chẳng sinh.

17. Tu-đà-hoàn đối với bốn đế:

Này “Đại Tuệ! Tướng nghi, nghĩa là đắc pháp khéo thấy tướng, vì trước dứt hai thứ thân kiến vọng tướng, nên nghi pháp chẳng sinh. Không đối với chỗ khác khởi kiến chấp Đại sư là tịnh, là bất tịnh, đó gọi là tướng nghi Tu-đà-hoàn đã dứt”. Trong tướng nghi này, cho rằng người Sơ quả đối với pháp bốn đế biết rõ không sai lầm tức là sự khéo thấy. Vì trước dứt hai thứ phân biệt thân kiến, nên đối với các pháp không còn sinh nghi, tự nhiên hiểu rõ chánh tà, không còn đối với các ngoại đạo khác nghĩ là Đại sư. Là tịnh hay bất tịnh, đối với chỗ Phật không nghi là thiện, bất thiện. Đó gọi là tướng nghi chẳng sinh.

18. Tu-đà-hoàn không chấp giới:

Này “Đại Tuệ! Giới thủ, thế nào là Tu-đà-hoàn không chấp giới? Nghĩa là vì khéo thấy tướng khổ ở chỗ thọ sinh, cho nên chẳng chấp. Này Đại Tuệ! Chấp là kẻ ngu quyết định chịu tu khổ hạnh, vì được các thứ vui nên cầu thọ sinh, kia thì chẳng chấp, trừ hồi hướng tự giác thắng, lia pháp tướng vọng tướng vô lậu, thực hành phương tiện thọ trì giới luật. Ấy gọi là Tu-đà-hoàn tướng chấp giới đã dứt”. Giới thủ, là chấp phi giới là giới. Ngoại đạo tà tu chẳng phải nhân chấp là nhân, như giữ giới gà giới chó v.v... người sơ quả chẳng chấp giới kia, nghĩa là khéo thấy tướng khổ hành nhọc nhằn thọ quả báo kia nên không chấp. Người ngu thì chấp thủ, vì các thú vui năm dục nên cầu thọ sinh, nhưng chẳng phải vui Tam-muội. Tuy cầu quả vui nhưng thật ra làm gì có, người Sơ quả kia không chấp đó là giới, chẳng phải không có giới do tự mình giữ gìn, nên gọi Trừ hồi hướng tự giác thắng v.v... tức họ tu giới hành hồi nhân hưởng quả. Chi Giới, chi là chi phần, như bảy chi phần và năm chi giới... Tuy không chấp nơi kia mà chấp nơi này, song chẳng phải Đại thừa không chấp giới, ấy cũng là chấp.

19. Tu-đà-hoàn dứt ba đời:

“Tu-đà-hoàn đoạn ba kiết, tham si bất sinh. Nếu Tu-đà-hoàn nghĩ rằng: Các kiết này ta chẳng có thì mắc hai lỗi rơi vào thân kiến và các kiết chẳng đoạn. Đại Tuệ bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Thế tôn nói nhiều thứ tham dục, kia vì sao dứt tham dục? Phật bảo Đại Tuệ: Yêu thích người nữ, triền miên tham trước, các thứ phương tiện thân miệng gây nghiệp ác, hưởng cái vui hiện tại, gieo nhân khổ đời vị lai, Tu-đà-hoàn thì chẳng sinh. Vì sao? Vì được sự vui Tam-muội Thánh thọ. Cho nên kia dứt tham chẳng phải thú hưởng Niết-bàn mà dứt”. Nói ba kiết là Kiến hoặc, nhờ chấp đoạn này mà lia tham sân si, ba thứ này tức tư hoặc trong kiến hoặc. Nói hai lỗi: Thân kiến là gốc, các kiết là ngọn, gốc đã không nhổ trừ thì ngọn do đâu mà dứt. Tham có nhiều thứ, đặc biệt nói yêu thích người nữ, nêu điểm quan trọng kia mà nói: Người Sơ quả được Tam-muội thắng lạc có khả năng dứt dục này, tuy lia hữu nhưng còn chấp đắm không, cho nên nói chẳng phải cái tham hưởng đến Niết-bàn được dứt.

20. Nói về tướng của quả thứ hai:

“Này Đại Tuệ! Thế nào là tướng Tư-đà-hàm? Nghĩa chóng soi thấu tướng sắc, tướng vọng tướng sinh nên kiến tướng chẳng sinh, vì khéo thấy tướng thiên thú, chóng biết đời này hết bờ bến khổ được Niết-bàn. Cho nên gọi là Tư-đà-hàm”. Đây nói về tướng của quả thứ hai, nghĩa là chiếu soi rõ sắc tướng vọng tướng của năm uẩn, không

đồng với Sơ quả tu quán bốn hạnh nên được gọi là Đốn. Sinh tướng tức là các kiết, kiến tướng tức là vọng tướng, hai thứ này bất sinh, chỉ trí vô lậu thêm tu thiền định, thì khéo thấy tướng thiền thú, tiến lên dứt tư hoặc cõi Dục, đến hết sáu phẩm, chỉ còn lại một lần sinh, nên nói chóng đến đời này sạch bờ mé khổ, lìa sinh tử trong loài người, được Niết-bàn, chứng quả thứ hai.

21. Nói về tướng của quả thứ ba:

Này “Đại Tuệ! Thế nào là A-na-hàm? Nghĩa là đối với sắc tướng tánh phi tánh quá khứ, hiện tại, vị lai, thấy lỗi lầm của sinh, khiến vọng tướng chẳng sinh, và vì dứt kiết nên gọi là A-na-hàm, người đắc quả thứ ba này quán chung sắc tướng ba đời đều không, chẳng phải tánh tức không, lìa lỗi lầm hữu vô phân biệt, cho nên nói vọng tướng chẳng sinh”. Dứt kiết là dứt ba phẩm tư hoặc sau ở cõi Dục.

22. Nói về tướng của quả thứ tư:

Này “Đại Tuệ! A-la-hán có đủ các thiền định Tam-muội giải thoát, lực minh, các thứ phiền não, khổ vọng tướng chẳng sinh, gọi là A-la-hán”. Các thiền Tam-muội tức trí định mà A-la-hán đã tu. Giải thoát lực minh là pháp sở chứng. Lực tức thần thông minh, chính là ba minh. Do đó quán chiếu rõ phiền não, các khổ phân biệt đều không, nghĩa là sạch hết tư hoặc cõi sắc, cõi Vô Sắc, chứng quả Vô học.

23. Phân biệt A-la-hán chung riêng:

“Đại Tuệ bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Thế tôn nói ba thứ A-la-hán. Ở đây nói là A-la-hán nào? Thế tôn! Vì nói đạo tịch tịnh Nhất thừa, vị Đại Bồ-tát phương tiện thị hiện A-la-hán hay là do Phật hóa hóa ra? Phật bảo Đại Tuệ: là Thanh văn được đạo Nhất thừa tịch tịnh, chẳng phải hạng khác. Hạng khác là Bồ-tát thực hành hạnh Bồ-tát và hóa Phật hóa ra, vì bản nguyên nên dùng phương tiện khéo léo, ở trong chúng thị hiện thọ sinh, vì trang nghiêm quyền thuộc của Phật. Này Đại Tuệ! Ở trong chỗ vọng tướng nói pháp bằng mọi cách, như đắc quả, đắc thiền, thiền giả nhập thiền thấy đều xa lìa. Thị hiện được tự tâm hiện lượng, được tướng quả, nói là đắc quả. Lại nữa Này Đại Tuệ! Người muốn siêu thiền vô lượng cõi Vô Sắc thì, phải lìa tướng tự tâm hiện lượng. Này Đại Tuệ! Thọ tướng chánh thọ vượt tự tâm hiện lượng thì chẳng phải. Vì sao? Vì có tâm lượng”. Ở đây phân biệt với A-la-hán gọi là tướng chung riêng. Chung là gọi chung A-la-hán, riêng thì ba thứ khác nhau. Trong ba thứ một thật hai quyền. Được đạo Nhất thừa tịch tịnh, là Nhất thật. Bồ-tát phương tiện thị hiện và Phật hóa hóa ra, là hai quyền. Phật đáp rằng đã nói La-hán là thật chẳng phải quyền. Nhất thừa, là một trong ba

thừa, chẳng phải là Phật thừa. Bản nguyện phương tiện khéo léo tức là hai thức khác, vì đã từng phát thệ nguyện phương tiện khéo léo, thị hiện A-la-hán trang nghiêm Phật hội mà làm quyến thuộc. Ở chỗ vọng tưởng của chúng sinh, nói pháp cho họ nghe, cùng tu chứng với họ, cho nên nói đắc quả được thiền. Tuy nhập trong thiền mà không trụ thiền, cũng tùy tâm lượng thị hiện đắc quả mà không trụ ở quả. Lại không trụ quả, trụ thiền, đó gọi là siêu thiền. Cho nên nêu tướng siêu thiền giúp cho họ bỏ thiền thế gian được thiền xuất thế gian. Thiền thế gian thiền, tức là bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định Vô Sắc. Phải lìa tự tâm, tâm lượng đã cùng cực tức là Như lai thiền, nhưng định diệt thọ tướng đầu chẳng siêu tâm lượng ư! Cho nên lại phân biệt chẳng đúng. Do kia chấp diệt thọ tướng cùng là tâm lượng nên tất cả phải xa lìa đều không thật có. Kinh Viên Giác chép: Chiếu và sở chiếu đồng thời vắng lặng, đó là đắc.

24. *Thế tôn lập lại nghĩa trên bằng bài kệ:*

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*“Các thiền bốn vô lượng
Tam-ma-đề Vô Sắc
Tất cả thọ tướng diệt
Tâm lượng kia không có
Quả Tu-đà-bàn-na
Vãng lai và Bất hoàn
Cùng với A-la-hán
Các vị tâm hoặc loạn
Thiền giả, thiền và duyên,
Chân đế dứt tập kiến.
Đây là lượng vọng tưởng,
Nếu giác được giải thoát.”*

Trong kệ, bốn câu đầu là tướng siêu thiền. Bốn câu giữa là nói tứ quả. Hoặc loạn, nghĩa là Tiểu thừa chấp tướng Niết-bàn, cũng là tâm hoặc loạn. Bốn câu sau thiền giả, thiền v.v... tức năng nhập sở nhập ở trên và thiền cảnh sở duyên, cùng dứt tập, biết khổ, thấy lý chân đế, đều là tâm lượng vọng tưởng. Trong tánh vắng lặng nếu giác biết rõ thì rất ráo giải thoát không được mà được.

25. *Do đạo giác biết hai thứ nghĩa giác:*

“Lại nữa Đây Đại Tuệ! Có hai thứ giác, đó là quán sát giác và vọng tưởng tướng nhiếp thọ chấp đắm kiến lập giác. Đây Đại Tuệ! Quán sát giác, là nếu giác tướng tánh tự tánh, chọn lựa xa lìa bốn câu không thật có, đó gọi là quán sát giác...” Ở trên nói nếu giác được giải

thoát, lại bảo do đạo giác biết hai thứ nghĩa giác. Một phen đã nói, tuy khác với chân vọng, nhưng y theo văn tổng kết nói Bồ-tát thành tựu thì đại sĩ đều quán mà chân tục khác nhau. Quán sát giác tức là giác chân đế. Lập ra giác tức giác tục đế. Vì Bồ-tát quán chân chẳng bỏ tục, chiếu tục không trái chân. Nếu giác được tánh tự tánh v.v... tức quán tự tánh tất cả pháp, tánh này xưa nay lia tướng, không thể dùng bốn câu một, khác v.v... để phân biệt lựa chọn, cho nên nói không thật có.

26. kết thúc khuyên tu học:

Này “Đại Tuệ! Bốn câu kia là lia một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường vô thường, đó gọi là bốn câu. Này Đại Tuệ! Lia bốn câu này gọi là tất cả phá. Này Đại Tuệ! Bốn câu này quán sát tất cả pháp, nên phải tu học”. Phân biệt tướng bốn câu như trước. Nói lia bốn câu, là không chấp đắm vọng tướng. Nếu rơi vào chấp bốn câu thì chẳng phải dùng giác tánh tự tánh, nay mong câu đều được thì lia bốn câu kia. Lại đối với bốn tánh đó gọi là tất cả phá. Dùng bốn câu này quán sát tất cả pháp, vô tình không lia vô tánh không hiển, cho nên kết thúc khuyên rằng nên phải tu học.

27. Nói về hai thứ kiến lập giác:

Này “Đại Tuệ! Thế nào là tướng vọng tưởng nhiếp thọ chấp đắm lập ra giác? Nghĩa là tướng vọng tưởng nhiếp thọ chấp đắm, chất cứng, ướt, nóng, động, là tướng vọng tưởng chẳng thật thuộc bốn đại chủng: tông, nhân, tướng thí dụ, chấp đắm chẳng thật dựng lập mà dựng lập, đó gọi là tướng vọng tưởng nhiếp thọ chấp đắm lập ra giác. Đây là tướng của hai thứ giác. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu hai tướng giác này thì tướng người pháp vô ngã được rốt ráo, khéo biết phương tiện giác vô sở hữu. Quán sát hạnh địa liền được Địa thứ nhất, nhập vào trăm Tam-muội, được Tam-muội sai biệt, thấy cả trăm Đức Phật và cả trăm Bồ-tát. Biết việc trăm kiếp về trước về sau, ánh sáng chiếu cả trăm cõi nước, biết tướng các địa trên, đại nguyện cao siêu thần lực tự tại, được địa Pháp Vân, vào vị Quán đảnh, sẽ được Như lai tự giác địa. Khéo buộc tâm trong mười vô tận cú, thành thực chúng sinh, các thứ biến hóa sáng suốt trang nghiêm được tự giác Thánh lạc Tam-muội chánh thọ”. Về hai thứ lập ra giác, Kinh Nhập Lăng-già chép: Nghĩa là đối với các đại chủng tánh cứng, ướt, nóng, động vọng tưởng tướng chấp đắm luống dối phân biệt, do tông, nhân, dụ mà vọng lập ra. Đó gọi là vọng tưởng tướng phân biệt chấp đắm lập ra trí. Tông, nhân, dụ tức năm phần luận pháp tuy là không thật có lập ra, nhưng do thế đế nên có lập ra, chân tục hai hành không ngăn ngại nhau. Nếu Bồ-tát v.v... là tổng kết tướng thành

của hai giác. Vì Sơ giác thành nên đối với người pháp biết tướng vô ngã, kể đến giác thành, hoàn toàn không có ngã tướng, không lìa người pháp, cho nên gọi rốt ráo khéo biết phương tiện giác vô sở hữu, trở lại dùng hai thứ giác, quán qua các hạnh địa thì về sau được nhập Địa thứ nhất. Nhập Tam-muội thấy Phật v.v... đều dùng trăm lời nói, vì Bồ-tát mới phá vô minh, có thể phân thân trăm cõi, nhập vào nhiều pháp môn đều như vậy. Cho nên Nhiếp Luận chép: Bồ-tát khi nhập Địa thứ nhất, minh môn trăm pháp: 1. Trong khoảng sát-na chứng trăm Tam-ma-địa. 2. Dùng thiên nhãn thanh tịnh thấy trăm cõi Phật. 3. Dùng năng lực thần thông làm rung chuyển trăm thế giới Phật. 4. Có khả năng đến trăm thế giới Phật giáo hóa chúng sinh. 5. Có khả năng dùng một thân hóa ra trăm thứ thân hình làm cho hữu tình thấy được. 6. Năng thành tựu trăm thứ giáo hóa hữu tình. 7. Nếu vì lợi ích, có khả năng lưu lại thân trụ đời trăm kiếp. 8. Hay biết việc trước việc sau cả trăm kiếp. 9. Có khả năng dùng trí tuệ nhập vào minh môn trăm pháp, thông đạt hoàn toàn. 10. Có khả năng dùng thân quán trăm loại quyến thuộc, các địa khác tăng lên gấp bội. Mười câu vô tận cú, như phẩm Thập Địa Kinh Hoa Nghiêm nói sơ Hoan hỷ địa có mười câu bất khả tận cú v.v... cũng như mười hạnh nguyện của ngài Phổ Hiền đều nói vô tận, do đó khéo buộc tâm, làm thành thực chúng sinh, đến nơi tự giác Thánh lạc Tam-muội thì việc của Bồ-tát sẽ làm xong.

28. *Lặp lại về bốn đại:*

“Lại nữa Đây Đại Tuệ! Đại Bồ-tát phải khéo biết sắc do bốn đại tạo ra. Thế nào là Bồ-tát khéo biết sắc do bốn đại tạo ra. Đây Đại Tuệ! Đại Bồ-tát khởi giác thế này: Đối với chân đế bốn đại chẳng sinh, đối với kia bốn đại chẳng sinh, khởi quán sát như thế, quán sát rồi, giác được phạm vi danh, tướng, vọng tưởng, phạm vi tự tâm hiện, ngoại tánh, phi tánh, đó gọi là phạm vi tâm hiện vọng tưởng. Nghĩa là trong ba cõi, quán sắc do bốn đại tạo ra kia tánh lìa sạch hết bốn câu, lìa ngã và ngã sở, trụ tướng như thật, tự tướng phân đoạn, thành tựu tự tướng vô sinh”. Ở trên nói bốn đại là nói chưa rõ ràng cho nên lặp lại. Ban đầu nói về quán năng giác, thì gọi là Bồ-tát khởi giác thế này... nói chân đế kia bốn đại chẳng sinh, là đúng lý. Cũng nói theo quán sát đối với giác. Nhưng lý chẳng phải không có bốn đại, nói thẳng vô tướng nên gọi là bất sinh, do đó Bồ-tát khởi bất sinh quán sát, bất sinh mà sinh, đó đó là gốc sinh bốn đại, cho nên có bốn đại danh tướng vọng tưởng thứ lớp, cuối cùng bốn đại kia sinh khởi, cũng là phạm vi của tự tâm hiện. Đã hiểu rõ các pháp chỉ do tâm, tức thấu đạt ngoại tánh phi tánh. Cho nên quán sắc do

bốn đại tạo tánh lia. Tánh lia thì bất sinh bốn câu, do đó bốn cú thanh tịnh có cả bốn đại, cũng tức là bốn đại viên mãn, lia bốn tánh. Do đó lia ngã, ngã sở, lia nên trở về gốc. Trở lại gốc nên mỗi pháp không mất tự thể, cho nên nói tự tướng như thật, tự tướng phần đoạn. Như thật tướng thì nhiều tướng như một, tự tướng phần đoạn thì có khác nhau, chỉ vì kia đồng khác không ngăn ngại nhau, cho nên tự tướng vô sinh như vậy mà thành. Đây là trí năng giác.

29. Nói về pháp sở giác:

Này “Đại Tuệ! Bốn đại chủng kia vì sao sinh ra tạo sắc? Nghĩa là do thấm ướt đại chủng vọng tướng sinh hỏa giới trong và ngoài, làm phiêu động đại chủng vọng tướng sinh phong giới trong ngoài, cắt đứt đại chủng của sắc vọng tướng, sinh địa giới trong ngoài. Sắc và hư không đồng chấp đấm tà đế, năm ấm nhóm họp, sắc do bốn đại tạo sinh ra”. Đây nói về pháp sở giác, văn trên giải thích tướng kia. Bốn đại kia nói theo chân đế mà nói, thì do bốn đại vì kia, nói theo bốn đại, thì cũng do chân đế vì kia. Nói bốn đại chủng sinh tạo sắc, tức đại chủng là năng tạo, như chất cứng, ướt, nóng, động. Bốn đại làm sở tạo, như thủy đại... trong ngoài sau gọi chung là sắc. Như Kinh Lăng-nghiêm thì xen nhau mà khởi, như giác sáng suốt rộng không. Do mê muội đối đãi nhau nên thành dao động, do đó mà có phong luân... Nay mỗi thứ từ loại mà tạo, nên có thấm ướt đại chủng, sinh ra thủy đại... vì văn tuy riêng mà lý chung. Nói tạo pháp kia, phải chăng do tánh mà có tướng, từ nhỏ nhiệm cho đến chấp đấm tướng, nhân đó tướng thành không do các thứ khởi, do đó phát sinh ra muôn loài, vốn là nhất tâm. Cái gọi là thấm ướt, kham năng, dao động, cắt đứt, mỗi thứ tùy theo tánh bốn đại mà nói rộng. Lại thấm ướt... Cũng có thể y theo tham, sân, si... mà nói rộng, cho nên nhất nhất đều gọi là vọng tướng tướng, đại chủng chủng. Ở đây đều phát xuất từ nơi nhỏ nhiệm. Và kia đã chấp đấm thì gọi bốn đại trong ngoài, nghĩa là chánh báo là trong, y báo là ngoài, đồng trùm khắp tất cả mà chung với không, cho nên gọi sắc và hư không v.v... ngoại đạo đối với kế chấp tà đế này, hoặc chấp có không, hoặc khởi giới hạn, đã như trước bác bỏ. Sắc do bốn đại tạo ra cho nên có năm ấm, do ấm mà có sáu căn, thứ lớp sinh ra nên gọi là sắc do bốn đại tạo sinh.

30. Phạt bác bỏ và phủ nhận:

Này “Đại Tuệ! Thức ấy vì ưa các dấu vết cảnh giới nên các cõi nối nhau. Này Đại Tuệ! Bốn đại như đất, v.v... và tạo sắc v.v... có bốn đại duyên và chẳng phải bốn đại kia duyên. Vì sao? Vì tánh, hình, tướng, xứ, phương tiện làm ra vô tánh, đại chủng chẳng sinh. Này Đại

Tuệ! Tánh, hình, tướng, xứ, phương tiện làm ra hòa hợp sinh, chẳng phải vô hình. Cho nên tướng sắc do bốn đại tạo ngoại đạo vọng tướng chẳng phải pháp của ta! Thức là sáu thức, nghĩa là sáu thức ưa cảnh giới của các trần ra vào trải qua cho nên gọi là tích, đây là do vọng thức chấp đắm vọng cảnh liền thành kết nghiệp, sáu đường thọ sinh nối nhau không xen hở. Lại nói bốn đại như đất v.v... nêu bốn đại không thể riêng tạo, phải gồm cả duyên, không chỉ có nơi duyên, cho nên gọi là chẳng phải bốn đại duyên kia. Vì vậy đoạn dưới giải thích nghĩa kia. Nghĩa là tánh thối ướt v.v... hình tướng là nhân của bốn đại sắc tướng. Xứ và phương tiện duyên tạo tác. Nếu nhân bất sinh tánh thì duyên cũng bất sinh, cho nên nói đại chủng bất sinh, phải do các duyên hòa hợp thành hình. Chẳng phải vô hình, thì cũng do duyên. Đã không do chẳng phải không do, thì vốn vô thật tánh, vô tánh mà sinh, thì nghĩa nhân duyên rõ ràng. Nói ngoại đạo vọng tướng, đây cùng với lời tà đế chấp đắm trước đều là nhân mà bác bỏ chỗ sai trái, nghĩa là tướng sắc do bốn đại tạo, khác với vọng chấp phân biệt của ngoại đạo cho nên nói chẳng phải pháp của ta.

31. Nói về tự tánh năm ấm tướng số, phi số:

“Lại nữa Nay Đại Tuệ! Sẽ nói tướng tự tánh các ấm. Thế nào là tướng tự tánh các ấm? Nghĩa là năm ấm. Năm ấm gồm sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Bốn ấm kia chẳng phải sắc, đó là thọ, tưởng, hành, thức. Nay Đại Tuệ! Sắc là sắc do bốn đại tạo mỗi đại đều có tướng khác. Nay Đại Tuệ! Chẳng phải Vô Sắc có số bốn như hư không. Thí như hư không vượt ngoài số tướng, lia các số mà vọng tướng nói một hư không. Nay Đại Tuệ! Như thế ấm vượt ngoài số tướng, lia các số, lia tánh và phi tánh, lia bốn câu, số tướng ấy là kẻ ngu năng, chẳng phải hiền Thánh nói”. Đây nói rõ năm ấm tự tánh, tướng số phi số. Nói số, là do sắc phi sắc, mỗi thứ có bốn số, cho nên gọi kia là bốn ấm chẳng phải sắc. Lại nói sắc là sắc do đại tạo mỗi đại có tướng khác, vì bốn đại khác nhau nên gọi chung là sắc, mà sắc cũng có bốn. Kế là nói có số, tức cõi sắc cõi Vô Sắc đều chẳng phải số. Vả lại, y theo cõi Vô Sắc nói, cho nên nói chẳng phải Vô Sắc có bốn số như hư không. Chánh là nói Vô Sắc bốn ấm vốn chẳng có bốn. Thí như hư không siêu vượt số tướng, nhưng vọng tướng phân biệt nói hư không là một, ấm cũng giống như vậy, lia các số tướng bốn câu hữu, vô v.v... chấp có số tướng là lời phàm phu nói, chẳng phải các bậc Thánh hiền nói. Như nói thân Phật vô vi không rơi vào các số.

32. Lìa pháp chấp vô ngã thì sẽ nhập địa bất động:

Này “Đại Tuệ! Bạc Thánh thấy các sắc tướng như huyễn, lìa lập bày khác chẳng khác, lại như mộng, bóng, thân sĩ phu lìa khác chẳng khác. Này Đại Tuệ! Chỗ tiến đến của Thánh trí đồng ấm vọng tưởng hiện, đó gọi là tướng tự tánh của các ấm, ông nên dứt bỏ, dứt bỏ rồi nói pháp vắng lặng, dứt tất cả kiến chấp của ngoại đạo về cõi Phật. Này Đại Tuệ! Khi nói vắng lặng thấy pháp vô ngã được thanh tịnh và nhập bất động địa. Nhập Bất động địa rồi, được vô lượng Tam-muội tự tại, và được thân ý sinh, được Tam-muội như huyễn, thông đạt rốt ráo, thần lực ba minh tự tại, cứu hộ lợi ích tất cả chúng sinh, cũng như mặt đất là chỗ nuôi chúng sinh”. Đại Bồ-tát giúp lợi ích cho chúng sinh cùng khắp cũng giống như thế. Bạc Thánh hiểu rõ ấm như huyễn, tuy hiện các sắc tướng. Lìa lập bày khác chẳng khác, như trong mộng ảnh hiện tướng sĩ phu đều không có thật thể, đâu có khác, chẳng khác! Nhưng kiến chấp khác chẳng khác chính là vọng tưởng của phàm phu. Phật sở dĩ lìa được là do hiểu rõ phàm Thánh thể của ấm xưa nay không hai, cho nên gọi chỗ tiến đến của Thánh trí đồng ấm vọng tưởng hiện. Phàm phu muốn trở lại bản thể, thì phải xa lìa tánh tướng ấm vọng, cho nên nói ông phải dứt bỏ. Nếu vọng chấp vắng lặng thì sẽ hiện rõ. Cho nên năng thuyết đây là pháp vắng lặng. Xa lìa tất cả kiến chấp của ngoại đạo. Khi nói pháp này đã lìa pháp chấp vô ngã, thì sẽ nhập Bất động địa, đắc vô lượng Tam-muội tất cả pháp môn, khắp cứu giúp chúng sinh, như quả đất là chỗ nuôi chúng sinh.

33. Phật muốn nói chánh nên trước bỏ tà:

“Lại nữa Này Đại Tuệ! Các ngoại đạo có bốn thứ Niết-bàn. Bốn thứ Niết-bàn ấy là tánh tự tánh phi tánh Niết-bàn, các thứ tướng tánh phi tánh Niết-bàn, tự tướng tự tánh phi tánh giác Niết-bàn và các ấm tự cộng tướng nối tiếp lưu chú đoạn Niết-bàn. Ấy gọi là bốn thứ Niết-bàn của các ngoại đạo, chẳng phải pháp của ta nói. Này Đại Tuệ! Ta nói ra đó, là thức vọng tưởng diệt gọi là Niết-bàn “Niết-bàn nói có tà có chánh, Phật muốn nói chánh là trước bác bỏ tà. Nói ngoại đạo có bốn thứ Niết-bàn, danh tướng như kinh đã nêu. Niết-bàn là quả, quả do nhân đắc, nhân kia đã tà thì quả cũng chẳng phải chánh, cho nên nói chẳng phải ta nói. Ta nói Niết-bàn là chỉ thẳng tâm diệt vọng thức. Bởi có ngoại đạo Niết-bàn không lìa thần ngã, vì thần ngã tức là vọng thức, do vọng tưởng thức diệt mà đối phá”.

34. Gió dừng thì sóng diệt, nên nói ý thức diệt thì thức thứ bảy cũng diệt:

“Đại Tuệ bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Có dựng lập tám thức

hay không? Phật bảo: Có dựng lập. Đại Tuệ bạch Phật: nếu dựng lập, tại sao lìa ý thức chẳng phải bảy thức. Phật bảo Đại Tuệ: Vì nhân kia và phan duyên kia cho nên bảy thức bất sinh. Ý thức cảnh giới phần đoạn chấp đấm sinh, thói quen nuôi lớn trong tàng thức, ý câu, ngã, ngã sở, chấp đấm, tư duy nhân duyên sinh, chẳng hoại thân tướng của nhân tàng thức phan duyên cảnh giới do tự tâm hiện ra, rồi chấp đấm nhóm tâm liền sinh, xoay vần làm nhân nhau, thí như biển và sóng, gió cảnh giới do tự tâm hiện thổi hoặc sinh hoặc diệt, cũng giống như thế. Cho nên, ý thức diệt thì bảy thức cũng diệt”. Trên nói vọng tưởng thức diệt gọi là Niết-bàn, liền nghi tám thức cũng diệt. Phật đáp do bất diệt, nói lập ra không diệt. Lại nghi bảy thức không diệt. Phật đáp vì nhân kia và phan duyên nên bảy thức bất sinh, kia tức là sáu thức, ý nói nhân và phan duyên ở sáu thức, mà bảy thức chấp ngã không hề lìa nhau. Nếu sáu thức diệt thì bảy thức cũng bất sinh. Ý thức v.v... trở xuống, nêu chung các thức lần lượt làm nhân cho nhau. Chưa từng không theo nhau là một thể mà tướng khác. Lại có bốn ý: 1. Cảnh giới phần đoạn, là nói thức thứ sáu từ sáu trần sinh. 2. Thói quen nuôi lớn, là nói sáu thức không lìa thức thứ bảy thức thứ tám. 3. Chấp đấm ngã, ngã sở, là nói ngã chấp bảy thức, từ suy tư nhân kia, duyên kia mà sinh. 4. Không hoại thân tướng... tàng thức tức là thức thứ tám. Nói nhân phan duyên nên tự tâm hiện cảnh giới. Tám thức này do sáu thức năng duyên, trở lại duyên cảnh giới tự tâm hiện, tức sáu trần. Do chấp đấm mà sinh sáu thức, năng gồm có các tâm cho nên nói tâm nhóm liền sinh. Nghĩa là thức thứ tám và thức thứ sáu lần lượt làm nhân nhau mà sinh, như tướng nhân đây có gốc có ngọn, gốc là tám thức chuyển sinh các thức, ngọn là sáu thức sinh thiện sinh ác. Thức thứ bảy thì truyền tống ở giữa cho nên nói lần lượt làm nhân nhau. Lại lấy ví dụ nêu bày, biển dụ cho thức thứ tám sóng dụ cho thức thứ sáu, do sáu trần làm gió cảnh giới. Cảnh giới là tự tâm hiện trở lại thổi biển tâm của thức thứ tám chuyển sinh các thức. Hoặc sinh hoặc diệt cũng do nương biển mà có gió, do gió mà có sóng dậy, lần lượt làm nhân nhau. Gió dừng thì sóng diệt, cho nên nói ý thức diệt, thức thứ bảy cũng diệt.

35. Đức Phật nói kệ để lập lại nghĩa trên:

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*“Ta không tánh Niết-bàn,
Làm ra cùng với tướng
Vọng tưởng, thức tri chướng,
Đây diệt ta Niết-bàn.*

*Kia nhân, kia phan duyên,
 Ý thú thấy thành thân.
 Cùng với nhân là tâm,
 Là chỗ nương của thức,
 Như dòng nước lớn cạn,
 Sẽ chẳng dậy sóng mòi.
 Như thế ý thức diệt,
 Các thứ thức chẳng sinh”.*

Ngoại đạo cho rằng có bốn thứ Niết-bàn, không lìa tánh và tướng, Phật bác bỏ, nói ta không cho tánh tướng là Niết-bàn, mà chỉ thẳng vọng tướng trí chướng thức diệt là Niết-bàn! Kia nhân, kia phan duyên... là nói bầy thức do ý thú nhân... thành sáu thức thân. Cuối cùng nguồn nhân kia lại dùng tâm của tám thức, làm chỗ nương của các thức, như ví dụ nước v.v... trở xuống ý có thể thấy.

36. Nói về tướng chung của vọng tướng tự tánh phân biệt:

“Lại nữa Nay Đại Tuệ! Nay sẽ nói về tướng chung của vọng tướng tự tánh phân biệt. Nếu khéo phân biệt tướng chung của vọng tướng tự tánh phân biệt thì ông và các Đại Bồ-tát lìa vọng tướng đến tự giác Thánh, khéo thấy con đường chung của ngoại đạo, giác vọng tướng năng nhiếp, sở nhiếp đoạn duyên khởi các thứ vọng tướng tự tánh hành, không còn vọng tướng”. Kinh Nhập Lăng-già chép: Nay ta sẽ nói tướng vọng tướng tự tánh khác nhau, giúp ông và các Đại Bồ-tát khéo biết nghĩa này, dứt các vọng tướng, chứng Thánh trí, biết pháp ngoại đạo, xa lìa phân biệt năng thủ sở thủ, các tướng y tha khởi, không còn chấp tướng vọng tướng.

37. Tướng chung vọng tướng tự tánh phân biệt:

Này “Đại Tuệ! Thế nào là tướng chung vọng tướng tự tánh phân biệt? Nghĩa là lời nói vọng tướng, sở thuyết sự vọng tướng, tướng vọng tướng, lợi vọng tướng, tự tánh vọng tướng, nhân vọng tướng, kiến vọng tướng, thành vọng tướng, sinh vọng tướng, bất sinh vọng tướng, đó gọi là tướng chung, vọng tướng tự tánh phân biệt”. Vọng tướng là một, tùy theo cảnh mà có khác. Trong đây trước chung, kể là riêng. Tên chung có thể thấy, tướng riêng gồm có mười hai. Ban đầu nêu mười hai, kể là giải thích ý nghĩa.

a) Nay “Đại Tuệ! Thế nào là lời nói vọng tướng? Nghĩa là các thứ tiếng, hay ca vịnh vui đẹp chấp đắm, gọi là lời nói vọng tướng”. Đây là chấp đắm các thứ âm thanh từ cú, cho là có tánh.

b) Nay “Đại Tuệ! Thế nào là sở thuyết sự vọng tướng? Nghĩa là

có việc nói ra là chỗ Thánh trí biết, nương vào đó mà sinh lời nói vọng tưởng, đó gọi là sự sở thuyết vọng tưởng”. Sự sở thuyết tự tánh, hễ là sự sở thuyết cực kỳ tự tánh, chỉ có Thánh trí mới biết được, phàm phu không thể hiểu được, chỉ nương vào việc kia mà sinh vọng tưởng lời nói.

c) Nay “Đại Tuệ! Thế nào là tướng vọng tưởng? Nghĩa là việc nói ra kia, như nai khát nước, tưởng các thứ chấp đắm rồi chấp đắm, như tướng cứng, ướt, ấm, động tất cả tánh vọng tưởng, đó gọi là tướng vọng tưởng”. Ở đây nói tùy sự khởi kiến, như nai khát nước thấy sóng nẩyng tưởng cho là nước, nghĩa là đối với đất, nước, gió, lửa, chấp có tánh cứng, ướt, ấm, động, mà không biết tánh kia vốn dung hòa, đối với tất cả pháp vọng chấp danh tướng, tánh tức là pháp.

d) Nay “Đại Tuệ! Thế nào là lợi vọng tưởng? Nghĩa là ưa các thứ vàng bạc châu báu ấy gọi là lợi vọng tưởng”. Tài vật quý giá ở thế gian vốn là vật huyền, phàm phu không biết nên sinh tâm tham trước.

e) Nay “Đại Tuệ! Thế nào là tự tánh vọng tưởng? Nghĩa là giữ gìn tự tánh này như thế chẳng đổi ác kiến vọng tưởng, đó gọi là tự tánh vọng tưởng”. Nói giữ gìn tự tánh này như thế. Trì là giữ gìn, tức là đối với các pháp khởi chấp tự tánh, chấp cho là đúng, các việc khác là sai, đâu khác gì ác kiến phân biệt của ngoại đạo.

f) Nay “Đại Tuệ! Thế nào là nhân vọng tưởng? Nghĩa là hoặc nhân, hoặc duyên phân biệt hữu vô nên nhân tướng sinh, đó gọi là nhân vọng tưởng”. Nghĩa là đối với pháp do nhân duyên sinh khởi kiến chấp hữu vô v.v... vọng tưởng phân biệt thành nhân sinh tử.

j) Nay “Đại Tuệ! Thế nào là kiến vọng tưởng? Nghĩa là các thứ ác kiến có, không, một, khác, đồng, không đồng là vọng tưởng chấp đắm vọng tưởng của ngoại đạo, đó gọi là kiến vọng tưởng”. Đây là nói ngoại đạo ác kiến chấp đắm bốn câu phân biệt có, không, một, khác, đồng chẳng đồng.

h) Nay “Đại Tuệ! Thế nào là thành vọng tưởng? Nghĩa là tưởng ngã và ngã sở tạo thành luận quyết định, đó gọi là thành vọng tưởng”. Đây là đối với giả danh thật pháp, chấp ngã, ngã sở mà khởi lời nói vọng tưởng.

k) Nay “Đại Tuệ! Thế nào là sinh vọng tưởng? Nghĩa là duyên có tánh hữu vô sinh chấp đắm, đó gọi là sinh vọng tưởng”. Kinh Nhập Lăng-già chép: Nghĩa là chấp các pháp hoặc có hoặc không từ duyên mà sinh, đó gọi là sinh phân biệt vọng tưởng.

l) Nay “Đại Tuệ! Thế nào là bất sinh vọng tưởng? Nghĩa là tất cả

tánh vốn vô sinh, không có hạt giống nhân duyên, sinh ra thân vô nhân, đó gọi là bất sinh vọng tưởng”. Nghĩa là tất cả pháp chưa có nhân duyên mà trước có tự thê, không nhờ nhân duyên mà sinh nên khởi phân biệt bất sinh.

m) Nay “Đại Tuệ! Thế nào là nối tiếp vọng tưởng? Nghĩa là kia nối liền nhau như kim với chỉ, đó gọi là nối tiếp vọng tưởng”. Kia nối liền với nhau như kim với chỉ, Kinh Nhập Lăng-già chép: Nghĩa là đây cùng với kia lần lượt trói buộc vào nhau như kim với chỉ, đó gọi là nối tiếp phân biệt.

n) Nay “Đại Tuệ! Thế nào là phược bất phược vọng tưởng? Nghĩa là chấp đắm nhân duyên phược và chẳng phược, như sĩ phu dùng phương tiện hoặc trói buộc hoặc cởi mở, đó gọi là phược bất phược vọng tưởng”. Chấp đắm nhân duyên phược chẳng phược, là nói theo lý, pháp vốn tự lìa làm gì có ràng buộc. Tình chấp thành trói buộc chẳng thể nói không. Như sĩ phu, Kinh Nhập Lăng-già chép: Như người dùng dây phương tiện gắng sức buộc rồi mở, đó là đối với không buộc mở mà sinh chấp đắm.

“Đây là tướng chung vọng tưởng tự tánh phân biệt, tất cả kẻ ngu chấp đắm hữu vô” Trên đây nói các chấp đắm không ngoài hữu vô cho nên tổng kết nói.

38. *Không nên chấp là khác, chẳng khác, hữu, vô:*

Nay “Đại Tuệ! Chấp đắm duyên khởi mà chấp đắm, các thứ vọng tưởng chấp đắm tự tánh, như huyện thị hiện các thứ thân. Phạm phu vọng tưởng thấy các thứ khác với huyện. Nay Đại Tuệ! Huyện cùng các thứ chẳng phải khác, chẳng phải không khác. Nếu khác thì huyện chẳng phải các thứ nhân. Nếu không khác thì huyện và các thứ không khác nhau, mà thấy khác nhau. Cho nên, chẳng phải khác, chẳng phải không khác. Do đó nên Nay Đại Tuệ! Ông và các vị Đại Bồ-tát đối với chuyên khởi vọng tưởng tự tánh như huyện chớ chấp đắm là khác, chẳng khác, hữu vô”. Trước nói vọng tưởng phân biệt tự tánh, chưa nói sở chấp, cho nên kế là nói duyên khởi, lại dùng huyện để ví dụ nói lên vọng tưởng vốn không, phạm phu không hiểu rõ thấy có các tướng khác nhau, cho nên dụ rằng huyện và các thứ chẳng phải khác, chẳng phải không khác. Xem xét kỹ càng nêu bày như trước rất dễ hiểu. Nếu hiểu rõ pháp không tự tánh, đối với duyên khởi vọng tưởng đều không thật có, vì thế không nên chấp đắm khác, chẳng khác, hữu, vô.

39. *Phật nói kệ để lập nghĩa trên:*

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

“Tâm cột vào cảnh giới,

*Giác tướng trí chuyển theo
 Vô sở hữu và thắng,
 Trí tuệ bình đẳng sinh
 Vọng tưởng tự tánh có,
 Đối duyên khởi thì không
 Vọng tưởng hoặc nhiếp thọ
 Duyên khởi chẳng vọng tưởng
 Các thứ chi phần sinh,
 Như huyễn thì không thành,
 Tướng kia có nhiều thứ
 Vọng tưởng thì không thành”.*

Tâm trói buộc, nghĩa là một niệm ở trước bị trần cảnh xoay chuyển, cho nên có nghiệp trói buộc. Nhưng vốn có giác trí cũng chuyển theo vọng, nếu rõ vọng tức chân, là các tướng hữu và thắng đến địa vị Phật thì lại bình đẳng, Đại Tuệ. Thắng tức tối thắng xứ Phật địa. Vọng tưởng tự tánh trở xuống tám câu, là nói vọng tưởng duyên khởi là hữu vô. Bốn câu đầu y theo pháp, bốn câu sau y theo dụ... nghĩa là vọng tưởng tự tánh nếu có thì duyên khởi không pháp nào thật có, cũng không đợi duyên khởi mà thành vọng tưởng. Nếu do vọng tưởng năng nhiếp thọ, chấp cảnh giới kia thành vọng tưởng, mà duyên khởi tự chẳng phải vọng tưởng, làm sao có thể thành vọng tưởng được? Dụ, nghĩa là như nhà ảo thuật kiến ra các thứ chi phần huyễn. Nếu trước đã sinh thì không đợi ảo thuật mới thành. Tướng huyễn kia tuy có các thứ mà vọng tưởng tự chẳng có các thứ, cho nên nói chẳng thành. Đây đều nói lên hữu vô chẳng thật có.

40. *Duyên khởi vọng tưởng làm nhân lẫn nhau mà thành:*

*“Tướng kia tức là lỗi
 Điều từ tâm phược sinh
 Vọng tưởng vô sở tri
 Đối duyên khởi vọng tưởng
 Tánh các vọng tưởng này
 Tức là duyên khởi kia
 Vọng tưởng có các thứ
 Đối duyên khởi vọng tưởng”.*

Tám câu này lại nói duyên khởi vọng tưởng làm nhân lẫn nhau mà thành. Nói lỗi tướng kia, nghĩa là lỗi của tướng duyên khởi, do tâm trói buộc chấp mà thành lỗi: Tâm trói buộc tức là vọng tưởng. Nếu hiểu rõ duyên khởi thì không vọng tưởng, do vọng tưởng chẳng giác biết

duyên khởi sinh các phân biệt. Duyên khởi này và tướng vọng tưởng do đó mà có cái ban đầu, không có trước sau, khác nhau nên nói vọng tưởng tức duyên khởi, thể cố nhiên là không hai, nhưng kết cuộc do duyên khởi mà có phân biệt.

41. Dứt vọng tưởng là cảnh giới của bậc Thánh:

*Nghĩa Thế đế đệ nhất,
Thứ ba vô nhân sinh...
Vọng tưởng nói thế đế
Dứt là cảnh giới Thánh.*

Thế đế là tục đế. Đệ nhất nghĩa là chân đế. Các Đức Phật nói pháp thường nương vào hai đế này. Ngoài ra đều là tà chấp của ngoại đạo, cho nên nói thứ ba vô nhân sinh. Kinh Niết-bàn nói: sự hiểu biết của người xuất thế gọi là Đệ nhất nghĩa đế, sự hiểu biết của người thế gian gọi là thế đế. Ngoại đạo lập hai mươi lăm đế, nói rõ trong nhân có quả. Thứ nhất từ minh sơ sinh giác, thứ hai từ giác sinh ngã tâm, thứ ba từ ngã tâm sinh sắc, thanh, hương, vị, xúc... đây nói vô nhân, tức tánh tự nhiên. Vọng tưởng nói trở xuống là kết thúc thành tựu ba thứ tự tánh. Thế đế, là duyên khởi vọng tưởng hai thứ tự tánh. Cảnh giới Thánh, tức Đệ nhất nghĩa đế thành tự tánh, nhưng mê là thế đế, ngộ là Đệ nhất nghĩa đế, cho nên nói dứt là cảnh giới Thánh.

*“Thí như việc tu hành
Đối một, các thứ hiện
Đối kia, không các thứ
Tướng vọng tưởng như thế
Thí như các che ngăn
Vọng tưởng các sắc hiện
Không màng, sắc chẳng sắc
Duyên khởi thì chẳng giác
Thí như lọc vàng ròng
Loại bỏ các chất tạp
Hư không chẳng mây che
Vọng tưởng sạch cũng vậy”*

Ở đây là nêu bốn ví dụ, ban đầu dụ cho tự tánh vọng tưởng. Nói việc tu hành, như thiền có mười thứ tất cả chỗ: nghĩa là xanh, vàng, đỏ, trắng... đều trùm khắp tất cả, cảnh kia vốn là một, do tâm tưởng nên có các thứ cảnh: tướng vọng tưởng cũng giống như vậy, cho nên thật Vô Sắc chẳng phải sắc, duyên khởi bất giác cũng giống như vậy. Lại như như hai ví dụ lọc vàng ròng, và hư không chẳng mây che, đều dụ cho

thành tự tánh. Ý nói không vọng tưởng kia duyên khởi hai thứ tự tánh thì như vàng ròng không có chất tạp, như hư không chẳng có mây che, cho nên nói vọng tưởng sạch cũng như vậy.

42. *Không theo vọng thì trở lại Thánh trí:*

*Không có tánh vọng tưởng
Và có duyên khởi kia
Lập ra và chê bai
Đều do vọng tưởng hoại
Nếu Vọng tưởng vô tánh
Mà có tánh duyên khởi
Vô tánh mà có tánh
Hữu tánh vô tánh sinh
Do nương theo vọng tưởng
Mà được duyên khởi kia
Danh tướng thường theo nhau
Mà sinh các vọng tưởng
Rốt ráo chẳng thành tựu
Dứt trừ các vọng tưởng
Về sau trí thanh tịnh
Áy gọi Đệ nhất nghĩa”.*

Không có tánh vọng tưởng v.v... là giải thích lại tự tánh duyên khởi vọng tưởng ở trên xưa nay chẳng phải có, chẳng phải không. Nói chắc chắn có thì rơi vào lập ra, nói chắc chắn không thì rơi vào chê bai, đều do vọng tưởng làm hoại chánh kiến. Nếu vọng tưởng vô tánh, nghĩa là nếu không có tánh vọng tưởng mà có tánh duyên khởi thì có lỗi từ vô sinh thành vô nhân. Do vọng niệm phân biệt từ vô tử mà có duyên khởi, nhưng do vọng tưởng nương nơi danh tướng. Danh và tướng như bóng theo hình đều là luống dối. Do không hiểu đây mà khởi vọng tưởng, cùng tận nguồn gốc vọng không thành tựu được gì thì vọng tưởng tự diệt, trở lại tự giác Thánh trí, gọi là Đệ nhất nghĩa. Độ tức là trừ.

43. *Mười hai thứ vọng tưởng đều chẳng ngoài như như:*

*“Vọng tưởng có mười hai
Duyên khởi có sáu thứ
Tự giác biết trí chướng
Kia không có khác nhau
Năm pháp là chân thật
Tự tánh có ba thứ
Tu hành phân biệt đây*

Chẳng vượt qua như như”.

Mười hai thứ vọng tưởng như trước đã nói. Duyên khởi có sáu, sáu tức sáu trần, nghĩa là duyên khởi tự tánh. Do gió cảnh giới sáu trần thổi động mà khởi, có chỗ nói sáu nhân là sai. Nhưng vọng tưởng duyên khởi này, nói chung đều có tướng khác nhau. Trong tự giác Thánh trí thì không có sự khác nhau như thế. Nhĩ minh tức là trí. Năm pháp, ba tự tánh đều là pháp môn tự hành hóa tha của Như lai, người tu hành và giáo hóa chúng sinh của Như lai, người tu hành xứng tánh mà quán sát đều là chân thật một lý, cho nên nói chẳng ngoài như như:

44. *Lìa hai thứ tự tánh duyên khởi và vọng tưởng thì gọi là viên thành tự tánh:*

*“Các tướng và duyên khởi
Đó gọi khởi vọng tưởng
Các tướng vọng tưởng kia
Từ duyên khởi ấy sinh
Giác tuệ khéo quán sát
Vô duyên, vô vọng tưởng
Thành rồi không có tánh
Làm sao vọng tưởng giác?
Tự tánh vọng tưởng kia
Lập ra hai tự tánh
Vọng tưởng các thứ hiện
Cảnh giới Thánh thanh tịnh
Vọng tưởng như màu vẽ
Duyên khởi chấp vọng tưởng
Nếu khác với vọng tưởng
Là nương luận ngoại đạo
Vọng tưởng nói sở tưởng
Do thấy hòa hợp sinh
Lìa hai thứ vọng tưởng
Như vậy tức là thành”.*

Các tướng và danh đều là duyên khởi, danh và tướng kia đều là vọng tưởng. Vọng tưởng duyên khởi này đều từ danh tướng mà sinh, nhưng lại nói vọng tưởng từ duyên khởi mà sinh. Vì chỉ cho vọng niệm hiện ra sinh khởi từ căn trần hòa hợp mà sinh. Ở trên nói duyên khởi từ vọng tưởng sinh, vì chỉ mê chân từ vọng mà có pháp nhân duyên sinh, người học không thể không xét, nhưng do chánh trí quán cả hai đều không có, thành rồi thì không tánh, là nói trong tánh viên thành thật

vốn không có tánh chấp, vì sao chúng sinh sinh vọng tướng giác biết, đã quên tánh chân thật mà thành vọng tướng cho nên có hai thứ tự tánh danh tướng, sự tướng nhưng mê thì thấy các tướng hiện, ngộ thì đó là cảnh giới tu hành thanh tịnh của bậc Thánh. Vọng tướng như màu vẽ, ý nói không khởi hữu, như vốn không có sắc tướng do vẽ mà có. Vọng tướng vốn do duyên khởi, duyên khởi vốn do phân biệt, chấp duyên khởi mà sinh vọng tướng. Vì vọng tướng kia như cho nên Đức Phật phương tiện nói như thế, là muốn cho chúng sinh bỏ vọng về chân. Nếu khác đây mà nói vọng tướng thì đó là hý luận tà chấp của ngoại đạo, cho nên nói “vọng tướng nói sở tướng, do thấy hòa hợp sinh”. Bởi do ngoại đạo vọng tâm phân biệt tướng vọng tướng và luận ba duyên hòa hợp mà sinh, đều chẳng phải chánh luận. Nếu lìa hai thứ tự tánh duyên khởi, vọng tướng, thì gọi là viên thành tự tánh.

45. Bồ-tát Đại Tuệ thưa hỏi về sự tu hành chứng đắc của Phật:

Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Cúi xin ngài nói cho chúng con nghe về tướng tự giác Thánh trí và Nhất thừa. Nếu nói tướng tự giác Thánh trí và Nhất thừa, con và các Bồ-tát khác khéo hiểu rành tướng tự giác Thánh trí và Nhất thừa thì chẳng nhờ nơi khác mà thông đạt Phật pháp”. Đại Tuệ nhờ nghe rõ ráo các vọng hiển bày Đệ nhất nghĩa, ở trên cho nên dùng hành tướng tự giác Thánh trí và hành tướng Nhất thừa, vì mọi người mà thưa hỏi sự suy tư tu chứng của Phật.

46. Phật nói về sự tu hành chứng đắc của Ngài:

Phật bảo Đại Tuệ: Lắng nghe! Lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ, ta sẽ nói cho ông nghe. Đại Tuệ bạch Phật. Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Tuệ: “Sự hiểu biết của bậc Thánh truyền trao cho nhau vọng tướng là vô tánh, Đại Bồ-tát ở một mình chỗ vắng vẻ, tự giác quán sát, chẳng do nơi khác lìa kiến chấp vọng tướng, tiến thẳng lên trên, vào địa Như lai, đó gọi là tướng tự giác Thánh trí”. Sự hiểu biết của bậc Thánh trước, tức hành tướng tự chứng Thánh trí và hành tướng Nhất thừa, nghĩa là các Đức Phật quá khứ đều từ hai thứ hạnh môn này mà thành Chánh giác, do đó xoay vần truyền trao cho nhau, cái gọi là “Phật Phật truyền trao, tổ tổ thọ nhận”. Đây là đáp chung lời cầu thỉnh trước. Vọng tướng vô tánh trở xuống là đáp riêng về tự giác Thánh trí. Hành tướng các pháp xưa nay vắng lặng, người ngu không biết sinh vọng chấp phân biệt mà nói vọng pháp, vốn không tự tánh. Nhưng muốn tiến Tu-diệu hạnh thì phải ở chỗ vắng lặng để quán sát. Quán xong rồi thì các vọng tướng không lìa mà lìa, dần dần trải qua các địa, vào cảnh giới Như lai, gọi đó

là tự giác Thánh trí rốt ráo tự nhiên.

47. Giải thích hành tướng Nhất thừa:

Này “Đại Tuệ! Thế nào là tướng Nhất thừa? Nghĩa là giác ngộ đạo Nhất thừa nên ta nói Nhất thừa. Thế nào là giác ngộ đạo Nhất thừa? Nghĩa là chỗ năng nhiếp sở nhiếp vọng tướng như thật chẳng sinh ra vọng tướng, đó gọi là giác Nhất thừa. Này Đại Tuệ! Người giác ngộ Nhất thừa, các hàng ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác, Phạm thiên vương... chẳng thể biết được, chỉ trừ Như lai, do đó nên gọi là Nhất thừa”. Đây là giải thích hành tướng Nhất thừa. Nói Nhất thừa là Nhất Phật thừa, nghĩa là pháp Đại thừa của Như lai. Pháp Nhất thừa này không lìa nhất tâm của con người, cái gọi là pháp mâu tức là tâm. Vì tâm đầy đủ pháp mâu, không hai không khác với chỗ chứng của Phật. Muốn giác ngộ đạo Nhất thừa, cần phải cứu xét tự tâm, cho nên nói: năng nhiếp sở nhiếp vọng tướng, nghĩa là hiểu rõ căn trần vọng tâm năng thủ, sở thủ, dứt vọng hiển chân, như thật mà trụ, cho nên nói như thật chẳng sinh vọng tướng. Nhưng giác ngộ đạo Nhất thừa này chỉ có Phật và Phật mới cứu xét được cùng tận, cho nên nói các ngoại đạo... chẳng thể chứng được.

48. Có ba lý do Như lai chỉ nói Tiểu thừa không nói Đại thừa:

Đại Tuệ bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Cớ sao nói ba thừa mà chẳng nói Nhất thừa? Phật bảo Đại Tuệ: “Chẳng tự nhập vào pháp Niết-bàn, nên chẳng nói với tất cả Thanh văn, Duyên giác về Nhất thừa, vì tất cả Thanh văn, Duyên giác, Như lai điều phục trao cho phương tiện vắng lặng để được giải thoát, chẳng phải năng lực của chính mình, cho nên chẳng nói Nhất thừa. Lại nữa, Đại Tuệ, vì phiền não chướng nghiệp, thói quen chẳng dứt bỏ, nên không nói với tất cả Thanh văn, Duyên giác về Nhất thừa. Vì chẳng giác pháp vô ngã, chẳng lìa phần đoạn tử cho nên nói ba thừa”. Ý này hỏi Như lai chỉ nói Tiểu thừa không nói Đại thừa. Phật đáp do ba nghĩa cho nên không nói Nhất thừa. Chẳng tự nhập vào pháp Niết-bàn, là vì người Nhị thừa không hiểu sinh tử tức Niết-bàn, nên không nói nhất thừa. Nói điều phục trao cho phương tiện vắng lặng, là do vâng lãnh phương tiện giáo dưỡng mà tu chứng vắng lặng, chỉ lìa luống dối, gọi là giải thoát. Vì chưa chưa giải thoát tất cả nên không vì nói hai. Phiền não chướng v.v... do kia chỉ dứt bỏ bốn trụ, trụ ở hoặc chung, thói quen chưa dứt, các hoặc riêng hoàn toàn còn, cho nên không nói ba. Nhị thừa phá chấp người, chưa phá chấp pháp, nên nói bất giác pháp vô ngã. Tuy dứt bỏ phiền não thân ở phần đoạn, chưa gọi là sinh tử biến dịch nên nói không lìa sanh tử phần đoạn. Như lai vì

người căn cơ Tiểu thừa này, chỉ nói pháp ba thừa.

49. *Nói về Nhất Phật thừa:*

Này “Đại Tuệ! Những người kia đã dứt bỏ phiền não, thói quen giác ngộ được pháp vô ngã. Họ đối với tất cả thói quen phiền não đã hết, đắm vị Tam-muội lạc chẳng phải tánh, giác được cõi vô lậu. Giác rồi lại nhập thượng thượng xuất thế gian, đầy đủ các thứ công đức sẽ được pháp thân Như lai tự tại không thể suy nghĩ, bàn luận”. Ở đây nói hạnh Nhất thừa do dứt bỏ thói quen phiền não, không bị vô minh che lấp, hiểu rõ chân không Tam-muội lạc, bất sinh đắm vị cho nên nói chẳng phải tánh, chính giác được cõi vô lậu. Cõi Vô lậu tức nhập cõi Thật báo, thọ pháp tánh thân, tùy loại hiện hình thị hiện sinh diệt, độ thoát các cõi. Cho nên nói giác rồi lại nhập xuất thế gian, đến thượng phẩm tịch quang, hai thứ trang nghiêm đầy đủ, cuối cùng hiển bày pháp thân tự tại không thể suy nghĩ, bàn luận. Đó gọi là nhất Phật thừa.

50. *Nói về các thừa và Nhất thừa:*

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*“Các trời và phạm thừa
Thanh văn, Duyên giác thừa
Chư Phật Như lai thừa
Ta nói các thừa này
Cho đến có tâm chuyển
Các thừa chẳng rốt ráo
Nếu tâm kia diệt hết
Chẳng thừa và người thừa
Không có kiến lập thừa
Ta nói là Nhất thừa”.*

Bốn câu trước nói chung về các thừa, sáu câu sau ý nói Nhất thừa. Nói có tâm chuyển, chuyển tức là khởi động, nghĩa là nếu có một niệm tâm động, dù là Phật thừa cũng chẳng rốt ráo, hướng chi là các thừa khác! Nói tâm hành diệt, không có người năng thừa, cũng chẳng có pháp sở thừa, cho đến pháp môn Nhất thừa không thể lập ra, lia danh bất tướng, chẳng phá chẳng lập, có các căn cơ này mới nói cho nghe Nhất thừa.

51. *Nói về pháp ba thừa:*

*“Vì dẫn dắt chúng sinh
Phân biệt nói các thừa
Giải thoát có ba thứ
Cùng với pháp vô ngã*

*Phiền não trí tuệ thấy Giải thoát thì xa
lìa Như cây nổi trên biển
Thường trôi theo dòng nước Thanh văn ngu
cũng vậy Tướng gió thổi trôi giạt Kia khởi
phiền não diệt Còn tập phiền não ngu”.*

Văn trên của bài tụng này nói về pháp ba thừa. Ba giải thoát là quả mà ba thừa chứng được, nghĩa là Thanh văn dứt chánh sử, Duyên giác dứt thói quen, Bồ-tát thì chánh sử và thói quen đều dứt, phá hoặc tuy khác nhưng chứng quả là một chân không Niết-bàn, pháp vô ngã v.v... Đây nói hạnh Đại thừa đắc pháp vô ngã hoặc trí bình đẳng, trói và cởi không hai, đó gọi là viển ly đại giải thoát. Thí như trở xuống là dụ Nhị thừa chưa dứt bỏ trí chướng, vì gió tướng không thổi động trôi giạt như cây nổi trên biển, bị nước chảy trôi đi, tuy dứt bỏ hoặc chung mà chưa dứt bỏ vô minh căn bản cho nên nói còn tập phiền não ngu, tập tức là vô minh.

52. Nhị thừa lìa khổ, được vui:

*“Đắm vị vui Tam-muội An trụ cõi vô lậu
Không có tiến rớt ráo Cũng chẳng còn
lui sụt
Được các thân Tam-muội Cho đến kiếp
chẳng giác Thí như người say rượu Rượu
hết rồi mới tỉnh Kia giác pháp cũng vậy
Được thân Phật vô thượng”.*

Nhị thừa lìa khổ sinh tử phần đoạn, được an vui Niết-bàn chân không, trong đó đắm vị mà không tiến thủ, nhưng cũng không lui sụt làm phàm phu. Tam-muội này thân rơi vào hầm vô vi, cho đến trải qua nhiều kiếp không giác ngộ. Thí như người say, say mê cuồng loạn không hiểu biết gì đến khi hết rượu rồi mới tỉnh. Đây là dụ cho căn cơ Nhị thừa chuyển, tâm trở về pháp giác, chánh trí vô ngã rớt ráo, cho nên nói được thân Phật vô thượng.

